

Số: 01.02/2026/CBGVL-SXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

CÔNG BỐ

GIÁ MỘT SỐ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 4 NĂM 2026

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;
- Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế và thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng của Liên ngành trên địa bàn Hà Nội tháng 4 năm 2026 đã được Liên ngành thống nhất tại cuộc họp ngày 24/4/2026 về phương án Công bố giá vật liệu xây dựng tháng 4 năm 2026, Sở Xây dựng tổng hợp, công bố giá vật liệu xây dựng tháng 4 năm 2026 trên địa bàn Thành phố như sau:

1. Giá vật liệu xây dựng trong bảng công bố:

Giá vật liệu xây dựng trong bảng công bố được xác định trên cơ sở khảo sát thực tế trên địa bàn thành phố Hà Nội là giá khảo sát tại thời điểm tháng 4 năm 2026, đã bao gồm các loại thuế và phí theo quy định (chưa bao gồm VAT).

Giá các loại vật liệu rời (cát xây dựng, đá xây dựng) là giá khảo sát tại các điểm cụ thể của Liên ngành (chưa bao gồm chi phí vận chuyển hoặc bốc xếp).

Chi tiết trong Phụ lục kèm theo Công bố giá một số vật liệu xây dựng tháng 4 năm 2026.

2. Chủ đầu tư và tổ chức tư vấn khi sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng cần căn cứ vào địa điểm của công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khoảng cách, cự ly vận chuyển, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất của công trình, yêu cầu thiết kế và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn chủng loại vật liệu phù hợp yêu cầu thiết kế

và xác định giá phù hợp giá thị trường, đảm bảo hiệu quả, đáp ứng mục tiêu đầu tư, tránh thất thoát, lãng phí.

3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

4. Hướng dẫn phương pháp xác định giá vật liệu đến công trình:

Căn cứ vào địa điểm của công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khoảng cách, cự ly vận chuyển, khối lượng vật liệu sử dụng, yêu cầu thiết kế Chủ đầu tư, Đơn vị tư vấn thiết kế có thể căn cứ các định mức công tác vận chuyển đất (cát, đá) bằng ô tô tự đổ ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng để xây dựng đơn giá công tác vận chuyển cho phù hợp việc vận chuyển vật liệu rời, sẵn có từ các cơ sở cung ứng, kinh doanh vật liệu xây dựng về công trình cho phù hợp với điều kiện thi công, đảm bảo mức giá phù hợp, đáp ứng nhu cầu sử dụng vật liệu của công trình.

Trường hợp sử dụng các định mức vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ chưa phù hợp với điều kiện cụ thể tại công trình, Chủ đầu tư, Đơn vị tư vấn xác định chi phí vận chuyển theo báo giá, cước vận chuyển, giá tương tự ở công trình đã thực hiện theo quy định về xác định đơn giá xây dựng công trình tại tại Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Cụ thể:

“1.2.1.2. Phương pháp xác định giá vật liệu đến hiện trường công trình (G^{vl}):

Giá vật liệu đến hiện trường công trình được xác định theo công thức:

$$G^{vl} = G^{ng} + C^{v/c} + C^{bx} + C^{vcnb} + C^{hh} \quad (4.2)$$

Trong đó:

- G^{ng} : giá vật liệu tại nguồn cung cấp;
- $C^{v/c}$: chi phí vận chuyển đến hiện trường công trình (bao gồm cả chi phí trung chuyển, nếu có);
- C^{bx} : chi phí bốc xếp (bao gồm cả chi phí bốc lên, xếp xuống) (nếu có);
- C^{vcnb} : chi phí vận chuyển nội bộ trong công trình (nếu có);
- C^{hh} : chi phí hao hụt bảo quản tại hiện trường công trình (nếu có).

Bảng tính giá vật liệu đến hiện trường công trình được tổng hợp theo hướng dẫn tại Bảng 4.1 dưới đây. Trong đó, chi phí vận chuyển đến công trình xác định trên cơ sở phương án vận chuyển (cự ly, cước, cấp đường vận chuyển, loại, tải trọng

phương tiện vận chuyển) phù hợp với tiến độ thi công xây dựng và cước vận chuyển, định mức vận chuyển, giá dịch vụ vận chuyển.”

5. Trường hợp các loại vật liệu trong bảng công bố có giá biến động (tăng hoặc giảm) so với giá công bố hoặc không có trong công bố giá: Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 9 Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng “(b) Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình được thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá lựa chọn trên cơ sở tham khảo các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo hướng dẫn tại điểm b mục 1.2.1.1 Phụ lục IV Thông tư này. Việc lựa chọn giá vật liệu xây dựng phải khách quan, minh bạch, đảm bảo hiệu quả của dự án)”, khi lập dự toán, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tế và điều kiện kỹ thuật của từng công trình; có thể tham khảo giá của loại vật liệu xây dựng có tiêu chuẩn, chất lượng tương tự được công bố tại các địa phương lân cận đảm bảo mức giá phù hợp, đáp ứng nhu cầu sử dụng vật liệu của công trình về tiến độ dự kiến, khối lượng cung cấp, tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật của vật liệu.

Khi chủ đầu tư, đơn vị tư vấn tổ chức khảo sát, xác định giá vật liệu cần lưu ý các nội dung sau:

- Các chủng loại vật liệu được sử dụng phải phù hợp với hồ sơ thiết kế, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về kỹ thuật và quy định về Quản lý vật liệu xây dựng tại Nghị định số 09/2021/NĐ-CP, có Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm theo các quy định hiện hành.

- Thông tin giá của các loại vật liệu từ nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng phải có đủ điều kiện kinh doanh đúng ngành nghề và nguồn cung cấp hợp pháp, giá của các loại vật liệu sử dụng đảm bảo phù hợp tại thời điểm lập dự toán.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có biến động giá, đề nghị các đơn vị tổng hợp gửi về Sở Xây dựng (gửi kèm theo hồ sơ xác định giá) để được xem xét, hướng dẫn theo quy định./.

Nơi nhận:

- Đ/c: Giám đốc Sở | (để b/c);
- Các đ/c: PGĐ Sở |
- Các Sở: TC, NN&MT, CT;
- Văn phòng (để đăng Website của Sở);
- Các phòng: QLXD, QLXDCTGT.
- Lưu: KTXD._(Đ-M).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Hữu Bảo

PHỤ LỤC
BẢNG CÔNG BỐ GIÁ MỘT SỐ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THÁNG 4 NĂM 2026

(Kèm theo văn bản số 01.02/2026/CBGVL-SXD ngày/....../2026 của Sở Xây dựng)

STT	Danh mục giá vật liệu xây dựng tại các khu vực	Đơn vị tính	Giá công bố Tháng 4/2026 (chưa VAT)
	<u>I - NHÓM VẬT LIỆU CÁT:</u>		
	Bãi tại thôn Đồng Xung - Xã ứng Hòa		
1	Cát đen	m ³	390.000
2	Cát vàng	m ³	750.000
	Bãi Cầu Trung Hà, xã Vật Lại		
1	Cát đen	m ³	250.000
2	Cát vàng	m ³	600.000
	Bãi thôn Đại Yên – phường Chương Mỹ		
1	Cát đen	m ³	380.000
2	Cát vàng	m ³	800.000
	Giá tại xã Hồng Vân		
1	Cát đen	m ³	320.000
2	Cát vàng	m ³	700.000
3	Cát san nền	m ³	300.000
STT	Danh mục giá vật liệu xây dựng tại các khu vực	Đơn vị tính	Giá công bố Tháng 4/2026 (chưa VAT)
	<u>II - NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ:</u>		
	Mỏ đá Gò Chối – xã Yên Xuân		
1	Đá 0x0,5	m ³	334.545
2	Đá 5x10	m ³	355.909
3	Đá 2x4	m ³	395.454
4	Đá 4x6	m ³	381.818
5	Đá 5x20	m ³	422.727
6	Đá 10x19	m ³	415.909
7	Đá 10x25	m ³	395.454

8	Đá 20x30	m ³	395.454
9	Đá Base (0x25)	m ³	340.000
10	Đá Subase (0x37.5)	m ³	324.545
	Bãi Cầu Trung Hà, xã Vật Lại		
1	Đá 1x2	m ³	495.545
2	Đá 2x4	m ³	477.272
	Bãi tại thôn Đồng Xung - Xã ứng Hòa		
1	Đá 1x2	m ³	530.000
	Xã Hồng Vân		
1	Đá 1x2	m ³	700.000
	Bãi thôn Đại Yên – phường Chương Mỹ		
1	Đá 1x2	m ³	540.000
2	Đá 2x4	m ³	540.000